

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG BỆNH NHÂN UNG THƯ VÚ SAU PHẪU THUẬT

Nguyễn Đức Thành¹, Ngô Thị Tinh¹,
Trần Bảo Ngọc², Nguyễn Phương Minh³

DOI: 10.38103/jcmhch.2020.60.10

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá chất lượng cuộc sống người bệnh ung thư vú sau phẫu thuật.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả tiến hành trên 60 người bệnh ung thư vú sau phẫu thuật được điều trị tại Trung tâm Ung bướu Thái Nguyên từ 1/2019 đến 6/2019.

Kết quả: Tuổi trung bình của bệnh nhân là 47,6 tuổi (30-75 tuổi). Người bệnh ung thư vú sau phẫu thuật trong khoảng 30-39 tuổi có điểm số chất lượng cuộc sống thấp ở các mặt thể chất, xã hội, và cảm xúc khi so sánh với nhóm người bệnh lớn tuổi hơn trong độ tuổi 70-79 tuổi.

Kết luận: Tuổi, trình độ giáo dục là những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người bệnh ung thư vú đã phẫu thuật. Chất lượng cuộc sống người bệnh trong độ tuổi 30-39 thấp hơn chất lượng cuộc sống người bệnh 70-79 về các mặt thể chất, xã hội và cảm xúc.

Từ khóa: Ung thư vú, Chất lượng cuộc sống, yếu tố xã hội

ABSTRACT

EVALUATION QUALITY OF LIFE BREAST CANCER PATIENTS POST - OPERATIVE

Nguyen Duc Thanh¹, Ngo Thi Tinh¹,
Tran Bao Ngoc², Nguyen Phuong Minh³

Objective: A descriptive and cross-sectional study on quality of life breast cancer postoperative (include both mastectomy and Breast conserving surgery) and determine social factors related to quality of life breast cancer postoperative.

Method: We collected 60 patients of carcinoma breast cancer post modified radical mastectomy. They were interviewed directly through questionnaires on quality of life of EORTC QLQ C-30.

Results: The results showed that the mean age at this study was 47.6 years. Younger women in age group 30-39 years had faird worst on physical, social, and emotional scores as compare to older women in the age group of 70-79 years.

Conclusion: The mean socres quality of life of patients with breast cancer postoperative at Thai Nguyen Oncology Center was differencebetween younger patient (30-39) years and older paient (70-79) years. In addition, Age and education status on this study were factor which related to quality of life in Breast Cancer Patients.

Keywords: Breast cancer, Quality of life, social factor

1. Bệnh viện TW Thái Nguyên
2. Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
3. Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên

- Ngày nhận bài (Received): 14/01/2020; Ngày phản biện (Revised): 21/02/2020;
- Ngày đăng bài (Accepted): 24/04/2020
- Người phản hồi (Corresponding author): Nguyễn Đức Thành
- Email: thanhnguyenduc.ubtn@gmail.com; SĐT: 0986527484

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư vú (UTV) là loại ung thư thường gặp nhất trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Ước tính trên thế giới có khoảng 1,38 triệu ca UTV mới mắc mỗi năm và cũng là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ở nữ trong các nước đã và đang phát triển [1],[2]. Theo thống kê, tỷ lệ UTV tại thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng tăng dần, với xuất độ chuẩn tuổi năm 1997 là 11,7 và năm 2003 là 19,4 [2]. Tỷ lệ tử vong do ung thư vú chiếm 6,3%, đứng sau các loại ung thư gan, phổi, dạ dày, cổ tử cung [1]. Ở Việt Nam, tỷ lệ mắc ung thư vú chuẩn theo tuổi năm 2000 là 17,4/100.000 dân, đứng đầu trong các ung thư ở nữ và có xu hướng gia tăng những năm gần đây. Tuổi mắc bệnh trung bình ở các nước phát triển khoảng 60 tuổi, tuy nhiên ở Việt Nam thường trẻ hơn, tuổi trung bình trong các nghiên cứu khoảng 48-50 tuổi. Tuy ung thư vú hiếm gặp ở người trẻ tuổi, chỉ khoảng 7% xảy ra dưới tuổi 40 và 2,7% dưới tuổi 35. Tuy nhiên, nó vẫn là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu trong các bệnh ung thư ở phụ nữ trẻ tuổi [3],[4]. Bên cạnh đó, chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú sau phẫu thuật chịu tác động không nhỏ bởi các yếu tố xã hội. Minh chứng cho nhận định này, rất nhiều tài liệu nghiên cứu chỉ ra rằng: Thể chất, xã hội, tâm lý của phụ nữ sau khi phẫu thuật cắt bỏ toàn bộ vú (Mastectomy) hoặc phẫu thuật bảo tồn (Breast Conserving Surgery) thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tuổi, trình độ học vấn, tình trạng bệnh tật... Thật vậy, tuổi cũng là một yếu tố ảnh hưởng tới chức năng xã hội và cảm xúc người bệnh mắc bệnh ung thư vú. Minh chứng cho nhận định này, vào năm 2004 một dữ liệu nghiên cứu mở rộng được công bố sau khi thăm vấn 990 bệnh nhân sau phẫu thuật ung thư vú cho thấy những bệnh nhân trẻ tuổi có chức năng xã hội và cảm xúc thấp hơn và mức độ lo lắng cao hơn về tương lai của họ khi so sánh với nhóm người bệnh trên 50 tuổi mắc bệnh ung thư vú [5]. Theo nghiên cứu của rất nhiều tác giả nước ngoài, tuổi trẻ là yếu tố tiên lượng không thuận lợi, đặc biệt là nhóm phụ nữ dưới 35 tuổi được xếp vào nhóm phụ nữ “rất trẻ” có chất lượng cuộc

sống trong tất cả các mặt và tỉ lệ sống thêm thấp nhất. Minh chứng thêm cho giả thiết này, nghiên cứu được thực hiện vào năm 2000 đã xác nhận sự khác biệt về chất lượng cuộc sống sau khi điều trị phẫu thuật ung thư vú tùy thuộc vào độ tuổi, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân [6]. Chất lượng cuộc sống của những phụ nữ trẻ, độc thân, trình độ học vấn thấp còn kém hơn so với những phụ nữ tuổi trung niên, đã có gia đình và trình độ học vấn cao hơn [7]. Đối với phụ nữ đã kết hôn, đặc biệt là ở độ tuổi trẻ, phẫu thuật cắt bỏ vú ảnh hưởng đến hình ảnh cơ thể là tiêu cực hơn. Tuy vậy, sự hỗ trợ của gia đình, xã hội đặc biệt là của người chồng sẽ giúp các phụ nữ ung thư vú có tâm lý tốt hơn sau khi trải qua phẫu thuật [8],[9]. Đánh giá những yếu tố xã hội tác động vào chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú sau phẫu thuật sẽ giúp điều dưỡng có cái nhìn khái quát và chăm sóc toàn diện hơn đối với nhóm bệnh nhân này. Do đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: Đánh giá chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú sau phẫu thuật.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Toàn bộ các bệnh nhân ung thư. Bệnh nhân ung thư vú sau mổ đến khám tại phòng khám ung bướu, khoa khám bệnh-Trung tâm Ung bướu, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên từ tháng 01/2019 đến tháng 06/2019.

* Tiêu chuẩn chọn mẫu

- BN đã được chẩn đoán ung thư vú bằng giải phẫu bệnh.

- BN đồng ý tham gia phỏng vấn và đủ khả năng nghe nói hiểu tiếng Việt, không mắc bệnh tâm thần.

- Bệnh nhân ung thư vú sau phẫu thuật cắt bỏ hoàn toàn và một phần vú

* Tiêu chuẩn loại trừ

- Loại trừ các trường hợp mắc hai ung thư.

- Bệnh nhân hóa trị và xạ trị phối hợp, bệnh nhân từ chối tham gia nghiên cứu.

- Tiền sử đã điều trị bệnh ung thư.

Bệnh viện Trung ương Huế

- Những bệnh nhân quá yếu, không đủ khả năng hoàn thành bảng câu hỏi phỏng vấn.

- Những bệnh nhân không hợp tác, từ chối trả lời.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, Cỡ mẫu: Có chủ đích, chọn toàn bộ BN đủ tiêu chuẩn trong thời gian nghiên cứu.

2.3. Cách thu thập số liệu: Thực hiện phỏng vấn trực tiếp các bệnh nhân ngoại trú sau phẫu thuật vú từ ngay sau khi bệnh nhân tới tái khám lần đầu tiên tại phòng khám ung bướu ngoại trú khoa Khám bệnh - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

* *Công cụ:* Bảng câu hỏi về chất lượng cuộc sống của tổ chức nghiên cứu và điều trị Ung thư châu Âu (QLQ C-30 ofEORTC) version 3. Đây là bảng câu hỏi chung cho tất cả các loại ung thư gồm 30 câu: chức năng thể chất (câu 1-5); chức năng hoạt động (câu 6, 7); chức năng cảm xúc (câu 21-24); chức năng nhận thức (câu 20, 25); chức năng xã hội (câu 26, 27); sức khỏe tổng quát (câu 29, 30) và 13 câu về các triệu chứng đơn, sau đó được quy đổi ra thang điểm 100, các điểm chức năng và sức khỏe tổng quát càng cao càng tốt và ngược lại với các triệu chứng đơn, cụ thể như sau: Điểm thô: RawScore (RS) = (Q1 + Q2 + ... + Qn)/n, Điểm chuẩn hóa: điểm thô được tính trên tỷ lệ 100 (theo công thức):

+ Điểm lĩnh vực chức năng = $\{1 - (RS - 1)/3\} \times 100$

+ Điểm lĩnh vực triệu chứng = $\{(RS - 1)/3\} \times 100$

+ Điểm sức khỏe tổng quát = $\{(RS - 1)/6\} \times 100$

* *Đạo đức nghiên cứu*

Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và được phê duyệt thông qua quyết định của Bệnh viện.

Đối tượng nghiên cứu được giải thích kỹ lưỡng và chỉ thực hiện khi có sự đồng thuận. Người nghiên cứu chỉ sử dụng các số liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

2.4. Xử lý số liệu

Nhập dữ liệu và xử lý theo phần mềm SPSS

16.0, trong đó có sử dụng các thuật toán phù hợp để phân tích, so sánh (Anova, T-test...).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm nhóm nghiên cứu

Đặc điểm	n	%
Tuổi trung bình		47,6
Nhóm tuổi 30-39	14	23,3
Nhóm tuổi 40-49	28	46,6
Nhóm tuổi 50-59	9	15
Nhóm tuổi 60-69	7	11,6
Nhóm tuổi 70-79	2	3,5

Dựa vào bảng 1 ta nhận thấy độ tuổi trung bình nhóm bệnh nhân ung thư vú nghiên cứu là 47,6. Nhóm tuổi từ 40-49 tuổi là cao nhất 28 (46,6%). Nhóm tuổi từ 70-79 là thấp nhất có 2 chiếm tỉ lệ 3,5%.

Bảng 2: Đặc điểm nghề nghiệp bệnh nhân nghiên cứu

Đặc điểm	n	%
Đã đi làm	42	70
Đã nghỉ hưu	16	26,7
Chưa có việc làm	2	3,3

Dựa vào bảng 2 ta nhận thấy người bệnh ung thư vú trong nghiên cứu có 42 (70%) đang đi làm, có 16 người chiếm tỉ lệ 26,7% đã nghỉ hưu chỉ có 2 người bệnh (2%) chưa có việc làm.

Bảng 3: Đặc điểm trình độ văn hóa người bệnh

Đặc điểm	n	%
Trình độ từ trung cấp trở lên	38	63
Trình độ hết cấp 3	22	37

Dựa vào bảng 3 ta nhận thấy trong 60 bệnh nhân sau phẫu thuật ung thư vú có 38 (63%) có trình độ từ trung cấp trở lên, 22 (37%) có trình độ hết cấp 3.

Đánh giá chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú...

Bảng 4: Đánh giá chất lượng cuộc sống bệnh nhân dựa vào bộ câu hỏi EORTC-C30

Tuổi						
	30-39	40-49	50-59	60-69	70-79	p
Các mặt chức năng						
Chất lượng cuộc sống tổng thể	57,44±18,59	58,80±25,30	63,51±18,37	65,74±13,38	66,66±8,33	0,8792
Thể chất	88±0	89,28±7,41	90,95±8,20	91,43±7,73	91,85±8,76	0,0003
Hoạt động	75,84±8,33	75±12,13	82,74±13,53	84,52±7,62	85,18±9,44	0,1298
Cảm xúc	66,67±11,36	69,94±12,76	71,43±9,82	73,21±8,44	75±0	0,6898
Nhận thức	87,03±6,93	89,23±7,98	90,47±8,25	91,66±8,33	94,04±7,98	0,5796
Xã hội	73,21±15,65	76,19±8,24	83,33±0	83,33±11,11	91,67±13,73	0,0313
Các triệu chứng đơn và mục khác						
Mệt mỏi	13,49±15,81	11,7±19,88	16,05±14,92	26,98±17,67	27,77±7,77	0,0628
Nôn và buồn nôn	3,57	0,59±3,09	0±0	0±0	0±0	0,1386
Đau	21,43±9,81	12,5±10,56	20,37±10,47	16,67±12,6	25±8,33	0,0628
Khó thở	4,76±11,66	1,19±6,18	0±0	19,04±16,49	16,66±16,66	0,0002
Mất ngủ	9,52±15,06	9,53±15,06	33,33±96,07	33,33±76,07	33,33±0	0,5091
Mất cảm giác ngon miệng	7,14±13,68	4,16±11,66	3,7±10,47	4,76±11,66	0±0	0,9053
Táo bón	2,38±58	4,76±11,6	0±0	0±0	0±0	0,5648
Tiêu chảy						
Tác động tài chính	57,14±23,33	48,81±0,86	29,63±10,47	42,85±23,33	16,66±16,66	0,0105

Dựa vào bảng 4 ta thấy bệnh nhân ung thư vú trẻ tuổi (30-39) tuổi có điểm số chất lượng cuộc sống xấu hơn so sánh với nhóm bệnh nhân ung thư vú trung niên và cao tuổi trong tất cả các lĩnh vực phản ánh chất lượng cuộc sống là thể chất, hoạt động, nhận thức, cảm xúc và xã hội. Điểm trung bình chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú trẻ tuổi (30-39) tuổi là 57,44 (SD=18,59) thấp hơn nhóm bệnh nhân 70-

79 tuổi có điểm số chất lượng cuộc sống là 66,66 (SD=8,33). Khi so sánh điểm số trung bình các triệu chứng đơn (tác động tài chính) ta nhận thấy điểm số trung bình các triệu chứng đơn ở nhóm người bệnh dưới 50 tuổi là cao hơn nhóm người bệnh trên 50 tuổi. Điểm trung bình mức độ khó thở của nhóm người bệnh dưới 50 tuổi sau phẫu thuật vú là thấp hơn nhóm trên 50 tuổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,0002$).

Bệnh viện Trung ương Huế

Bảng 5: Trình độ học vấn khác nhau, chất lượng cuộc sống khác nhau

	Trình độ học vấn		P
	Từ trung cấp	Học hết cấp 3	
Các mặt chức năng			
Chất lượng cuộc sống tổng thể	50,52±15,44	63,33±16,27	0,0036
Thể chất	91,67±7,26	90,27±8,57	0,5033
Hoạt động	84,37±7,14	84,23±11,6	0,9540
Cảm xúc	72,4±8,18	68,92±12,8	0,2035
Nhận thức	92,71±8,27	90,98±8,31	0,4389
Xã hội	81,25±18,52	81,08±12,35	0,9696
Các triệu chứng đơn và mục khác			
Mệt mỏi	6,94±12,95	13,21±17,1	0,1141
Nôn và buồn nôn	2,08±5,51	0,9±3,77	0,3773
Đau	16,67±10,2	16,22±11,29	0,8747
Khó thở	2,08±8,06	3,6±10,35	0,5289
Mất ngủ	6,25±13,1	18,01±16,61	0,0036
Mất cảm giác ngon miệng	0±0	4,5±11,39	0,01736
Táo bón	6,25±13,1	3,6±10,35	0,4199
Tiêu chảy			
Tác động tài chính	56,25±19,43	46,85±22,54	0,0940

Dựa vào bảng 5 ta nhận thấy có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê về chất lượng cuộc sống tổng thể giữa hai nhóm người bệnh có trình độ từ trung cấp trở lên (50,52±15,44) và nhóm người bệnh có trình độ học hết cấp 3 (63,33±16,27), ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Cũng tương tự như các công bố trong nước khác [6], [7], kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy độ tuổi trung bình người bệnh mắc bệnh ung thư vú là 47,6 tuổi. Nhóm tuổi có nguy cơ mắc bệnh nhiều nhất là nhóm bệnh nhân 40-49 tuổi chiếm tỉ lệ 46,6%, và thấp nhất là nhóm tuổi 70-79 chiếm tỉ lệ 3,5%.

Đa phần người bệnh mắc bệnh đang trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ 70% so với quần thể nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các kết quả nghiên cứu khác người bệnh mắc bệnh trong độ tuổi lao động tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần và vật chất của người bệnh.

Cũng tương tự như các công bố khác trong nghiên cứu này người bệnh trẻ tuổi mắc bệnh ung thư vú (30-39 tuổi) là có chất lượng cuộc sống thấp hơn so với nhóm người bệnh lớn tuổi trong tất cả các lĩnh vực của chất lượng cuộc sống như thể chất ($p < 0,003$), xã hội ($p < 0,0313$) cũng như lạc quan trong tương lai ($p < 0,029$). Điều này chỉ ra rằng

nhóm người bệnh trẻ tuổi hơn cảm thấy nhiều lo lắng hơn khi điều trị, đặc biệt lo lắng về tương lai và công việc. Nghiên cứu được thực hiện bởi Cimprich và Roins tìm ra rằng người bệnh mắc bệnh ung thư vú ở nhóm tuổi nhỏ hơn 65 tuổi có chất lượng cuộc sống giảm ở hoạt động thể chất trong khi người bệnh mắc bệnh ung thư vú nhóm tuổi trẻ (27-44) có chất lượng cuộc sống về mặt xã hội thấp hơn nhóm khác phù hợp kết quả nghiên cứu này. Khi đánh giá điểm số trung bình của các triệu chứng đơn ta nhận thấy rằng điểm số trung bình triệu chứng khó thở nhóm người bệnh ung thư vú 30-39 tuổi, và 40-49 tuổi thấp hơn nhiều so với nhóm người bệnh sau phẫu thuật vú trên 50 tuổi ($p < 0,002$).

Người bệnh có trình độ học vấn cao hơn có điểm trung bình chất lượng cuộc sống cao hơn,

thật vậy dựa vào bảng ta thấy chất lượng cuộc sống tổng thể của nhóm bệnh nhân có trình độ trung cấp trở lên cao hơn nhóm bệnh nhân học hết cấp 3 và sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê với ($p < 0,0036$).

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này giải thích mạnh mẽ mối liên hệ giữa tuổi, trình độ học vấn và chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư vú. Một vài nghiên cứu khác chỉ ra rằng yếu tố tâm lý và sự hỗ trợ tài chính sẽ cải thiện và nâng cao được chất lượng cuộc sống người bệnh mắc bệnh ung thư vú. Những nghiên cứu tiếp theo cần làm rõ tác động của những triệu chứng đơn vào chất lượng cuộc sống người bệnh ung thư vú với cỡ mẫu rộng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Đức, Bùi Diệu, Trần Văn Thuận và cs (2010), “ Tình hình mắc ung thư tại Việt Nam năm 2010 qua số liệu của 6 vùng ghi nhận giai đoạn 2004-2008”, Tạp chí Ung thư học Việt Nam, số 1, tr 73-80.
2. Agarwal G, Pradeep PV, Aggarwal V, Yip CH, Cheung PS. Spectrum of breast cancer in Asian women. *World J Surg.* 2007;31:1031-40.
3. Turner J, Wooding S, Cameron N. Psychosocial impact of breast cancer: a summary of the literature 1986-1996. *NHMRC National Breast Cancer Centre* 1998.
4. Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Vân và cs (2018), “ Đánh giá kết quả sống thêm sau 7 năm ở bệnh nhân ung thư vú dưới 35 tuổi tại Bệnh viện K”, Tạp chí Ung thư Việt Nam, số 4, tra 07-408.
5. Quality of life following breast-conserving therapy or mastectomy: The result was better or mastectomy: results of a 5-year prospective study. *Breast J.* 2004 May-Jun; 10(3): 223-31.
6. Wenzel LB, Fairclough D, Brady M, Cella D, Garrett K, Kluhsman B, Marcus A. Age related differences in the quality of life of breast cancer patients after treatment. *Cancer* 1999; 86: 1768-74
7. Leinert E, Singer S, Janni W, Harbeck N, Weissenbacher T, Rack B, Augustin D, Wischnik A, Kiechle M, Ettl J, Fink V, Schwentner L, Eichler M. The Impact of Age on Quality of Life in Breast Cancer Patients Receiving Adjuvant Chemotherapy: A Comparative Analysis From the Prospective Multicenter Randomized ADEBAR trial. 2017.